

Số: 203/2022/QĐST - HNGĐ

Hàm Yên, ngày 26 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 189/2022/TLST - HNGĐ, ngày 04 tháng 7 năm 2022, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị T, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ dân phố Q, thị trấn T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Hữu L, sinh năm 1974; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 15, phường A, thành phố X, tỉnh Tuyên Quang. Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố Q, thị trấn T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/NQ - UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 7 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 7 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị T và anh Nguyễn Hữu L.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung*: Giao con chung là cháu Nguyễn Thị P, sinh ngày 16/02/2006 cho chị Lê Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Hữu L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Lê Thị T với mức cấp dưỡng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng,

phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, thời hạn cấp dưỡng từ tháng 8 năm 2022 đến khi cháu Yên trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Anh Nguyễn Hữu L có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

- *Về tài sản, đất đai chung*: Các đương sự đã tự thỏa thuận phân chia tài sản và yêu cầu Tòa án ghi nhận trong Quyết định, cụ thể:

+ Chị Lê Thị T được toàn quyền sở hữu, quản lý, sử dụng định đoạt ngôi nhà xây cấp IV hai tầng cùng toàn bộ các công trình phụ trợ trên thửa đất số 226, tờ bản đồ số 72 tại tổ dân phố Q, thị trấn T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, nhà trị giá 650.000.000đ (*Sáu trăm năm mươi triệu đồng*) (*tình trạng nhà và các công trình phụ trợ như Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 14/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên*). Các đương sự xác định thửa đất số 226, tờ bản đồ số 72 đã được UBND huyện Hàm Yên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ký hiệu BO 587225, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận số CH 04809, ngày 31/12/2013 mang tên chị Lê Thị T là tài sản riêng của chị Lê Thị T, không phải là tài sản chung của hai vợ chồng nên không yêu cầu giải quyết, do đó không xem xét.

+ Anh Nguyễn Hữu L được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng, định đoạt chiếc xe ô tô nhãn hiệu KIA, số loại MORNING TA 12G, biển kiểm soát 23A – 006.93, xe có trị giá 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*). Anh Nguyễn Hữu L đã được giao quản lý chiếc xe ô tô biển kiểm soát 23A – 006.93. Anh Nguyễn Hữu L được quyền liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để hoàn thiện các thủ tục sang tên, thực hiện việc đăng ký quyền sở hữu đối chiếc xe ô tô kê trên đứng tên quyền sở hữu cá nhân anh L theo quy định của pháp luật.

+ Chị Lê Thị T có nghĩa vụ thanh toán tiền chênh lệch chia tài sản chung cho anh Nguyễn Hữu L với số tiền 300.000.000đ (*Ba trăm triệu đồng*). Ghi nhận chị Lê Thị T đã thanh toán xong cho anh Nguyễn Hữu L với số tiền chênh lệch chia tài sản chung là 300.000.000đ (*Ba trăm triệu đồng*). Anh Nguyễn Hữu L có nghĩa vụ thu dọn đồ đạc cá nhân và rời khỏi ngôi nhà chung của hai vợ chồng để bàn giao lại toàn bộ ngôi nhà cho chị Lê Thị T trong thời hạn 01 (*Một*) tháng kể từ ngày Quyết định giải quyết ly hôn giữa chị Lê Thị T và anh Nguyễn Hữu L có hiệu lực pháp luật.

- *Về vay nợ chung*: Các đương sự đều xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- *Về án phí*:

+ Chị Lê Thị T phải nộp 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.675.000đ (*Bốn triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004877, ngày 04/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Trả lại cho chị Lê

Thị T số tiền tạm ứng án phí còn thừa là 4.525.000đ (*Bốn triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng*).

+ Anh Nguyễn Hữu L phải nộp 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Các đương sự không phải chịu án phí dân sự đối với phần giá trị tài sản được hưởng vì đã tự thỏa thuận phân chia tài sản chung.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- UBND thị trấn Tân Yên (Giấy CN kết hôn số 19, ngày 04/3/2005);
- UBND phường An Tường, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Hàm Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lương Hữu San